

Số: ~~2979~~ /NHNN-TTGSNH
V/v thực hiện xây dựng, phê duyệt
phương án cơ cấu lại

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2023

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 301
Ngày 26 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Công ty Tài chính cổ phần Tín Việt ✓

Triển khai thực hiện Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 phê duyệt “Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 689/QĐ-TTg) và Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1382/QĐ-NHNN ngày 02/8/2022 (Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-TTg, Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng, thực trạng tài chính, hoạt động, kết quả xếp hạng, kết luận thanh tra, kiểm tra, kết quả kiểm toán, kết quả đánh giá của tổ chức định giá độc lập (nếu có), văn bản cảnh báo, chỉ đạo của NHNN và các chỉ đạo, thông tin khác, Công ty Tài chính cổ phần Tín Việt (VietCredit) thực hiện đánh giá toàn diện thực trạng tài chính, hoạt động, kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế cần chấn chỉnh, khắc phục đến thời điểm xây dựng Phương án cơ cấu lại (trong đó cần tập trung đánh giá chi tiết các tồn tại, hạn chế, vi phạm, rủi ro tiềm ẩn, nguyên nhân, khó khăn, vướng mắc); điểm mạnh, điểm yếu, nhận định những khó khăn, thách thức, xu hướng tác động đến hoạt động của VietCredit trong thời gian tới và chủ động xây dựng Phương án cơ cấu lại TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 (Phương án cơ cấu lại) nhằm có các giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế, ứng phó được các khó khăn, thách thức trong thời gian tới đảm bảo phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp tại Quyết định số 689/QĐ-TTg và Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng, văn bản liên quan, đảm bảo tối thiểu có các nội dung theo Đề cương nội dung xây dựng phương án cơ cấu lại TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 đính kèm văn bản này, trong đó lưu ý:

1.1. Phương án cơ cấu lại cần đánh giá được thực trạng tài chính, hoạt động, các rủi ro, tồn tại, vi phạm, hạn chế cần khắc phục.

1.2. Xác định rõ mục tiêu, lộ trình cụ thể, định hướng cơ cấu lại đến năm 2025, các giải pháp cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu nhằm khắc phục, xử lý các tồn tại, sai phạm, yếu kém trong hoạt động của VietCredit để đạt được mục tiêu đề ra, kịp thời ứng phó với các khó khăn, thách thức và thích ứng với xu hướng trong thời gian tới.

2. VietCredit khẩn trương xây dựng, hoàn thiện Phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ VietCredit thông qua và gửi NHNN trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của NHNN. Sau khi NHNN có ý kiến đối với Phương án cơ cấu lại của

VietCredit, giao VietCredit phê duyệt phương án cơ cấu lại theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ của VietCredit. Trường hợp Điều lệ của VietCredit không quy định thì VietCredit trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3. VietCredit thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 689/QĐ-TTg, Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng và các văn bản, chỉ đạo, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xây dựng, công tác triển khai, kết quả thực hiện Phương án cơ cấu lại và chỉ đạo thực hiện kiểm tra, kiểm soát việc xây dựng, triển khai thực hiện Phương án cơ cấu lại sau khi được phê duyệt.

Sau thời điểm Phương án cơ cấu lại được phê duyệt, trường hợp VietCredit thực hiện điều chỉnh, phê duyệt hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt lại Phương án cơ cấu lại, VietCredit gửi NHNN Phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt chậm nhất 10 ngày sau khi phê duyệt.

4. Chế độ báo cáo:

- Sau khi Phương án cơ cấu lại được phê duyệt, định kỳ VietCredit báo cáo NHNN đầy đủ, kịp thời, trung thực tiến độ, kết quả thực hiện, tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị (nếu có) trong quá trình triển khai, thực hiện Phương án cơ cấu lại (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), cụ thể:

+ Báo cáo Quý I: Thông tin, số liệu đến ngày 31 tháng 3 gửi NHNN trước ngày 20 tháng 4;

+ Báo cáo 6 tháng đầu năm: Thông tin, số liệu đến ngày 30 tháng 6 gửi NHNN trước ngày 20 tháng 7;

+ Báo cáo Quý III: Thông tin, số liệu đến ngày 30 tháng 9 (bổ sung thông tin đến ngày 31 tháng 10) gửi NHNN trước ngày 20 tháng 11;

+ Báo cáo năm: Thông tin, số liệu đến ngày 31 tháng 12 gửi NHNN trước ngày 31 tháng 01 năm tiếp sau năm báo cáo.

- Thực hiện các báo cáo khác theo yêu cầu của NHNN trong từng thời kỳ.

Trong quá trình tổ chức triển khai, thực hiện nếu phát sinh những vấn đề vượt thẩm quyền, VietCredit đề xuất giải pháp xử lý, kịp thời báo cáo NHNN xem xét, quyết định.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc VietCredit nghiêm túc triển khai, thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Ban Lãnh đạo NHNN;
 - Lưu: VP, TTGSNH2.
- NTTLOAN

Gửi kèm:

- Phụ lục.

KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Nguyễn Kim Anh

Phụ lục
NỘI DUNG XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN CƠ CẤU LẠI GẮN VỚI
XỬ LÝ NỢ XẤU GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐỐI VỚI CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ
PHẦN TÍN VIỆT (VIETCREDIT)

- Thông tin, số liệu đánh giá, phân tích để xây dựng Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là Phương án cơ cấu lại) là số liệu Quý gần nhất¹ của thời điểm xây dựng Phương án cơ cấu lại². VietCredit chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác đối với các thông tin, số liệu tại Phương án cơ cấu lại.

- VietCredit căn cứ thực trạng, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, kết quả đánh giá của tổ chức định giá độc lập (nếu có), văn bản cảnh báo, chỉ đạo của NHNN và các thông tin khác thực hiện đánh giá thực trạng, kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế (trong đó cần tập trung đánh giá chi tiết các tồn tại, hạn chế, vi phạm, rủi ro tiềm ẩn, nguyên nhân, khó khăn, vướng mắc), điểm mạnh, điểm yếu, thách thức, xu hướng tác động đến hoạt động của VietCredit trong thời gian tới để xây dựng Phương án cơ cấu lại nhằm có các giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế, ứng phó được các khó khăn, thách thức trong thời gian tới đảm bảo phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp tại Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 Phê duyệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 689/QĐ-TTg) và Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1382/QĐ-NHNN ngày 02/8/2022 (Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng).

I- Kết quả thực hiện Phương án tái cơ cấu gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 và cập nhật đến 31/12/2021

Đánh giá tóm tắt kết quả thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của VietCredit giai đoạn 2016-2020 và cập nhật đến 31/12/2021, kết quả đạt được, hạn chế tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm.

II- Mục đích, yêu cầu và cơ sở pháp lý của việc xây dựng Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025

III- Đánh giá thực trạng hoạt động

VietCredit thực hiện đánh giá thực trạng hoạt động, tối thiểu theo các nội dung sau³:

1. Một số chỉ tiêu tài chính (theo biểu đính kèm).

2. Tổ chức, quản trị điều hành

- Giấy phép thành lập và hoạt động.
- Mô hình tổ chức, nhân sự, việc đáp ứng cơ cấu tổ chức, nhân sự về Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Ban điều hành theo quy định tại Luật các TCTD (đã sửa đổi, bổ sung).
- Mạng lưới hoạt động.

¹ Là số liệu Quý I hoặc Quý II hoặc Quý III hoặc Năm (của thời điểm xây dựng Phương án cơ cấu lại).

² Trường hợp số liệu so sánh thì thời điểm so sánh là 31/12/2020 và cuối năm trước (chỉ tiêu so với cùng kỳ năm trước như: Kết quả kinh doanh...).

³ Đối với những nội dung, hoạt động không có/ không phát sinh: TCTD ghi không phát sinh.

- Quản trị điều hành (năng lực, cơ chế quản trị điều hành; hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro, quản trị hệ thống,...).

3. Hệ thống công nghệ thông tin, tình hình thực hiện chuyển đổi số, phát triển ngân hàng số tại VietCredit

Trong đó, lưu ý đánh giá thực trạng hoạt động công nghệ thông tin⁴; công tác tổ chức thực hiện đảm bảo an toàn hệ thống thông tin⁵, việc chấp hành quy định Thông tư 09/2020/TT-NHNN ngày 21/10/2020 quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng và các văn bản sửa đổi, bổ sung; tình hình thực hiện Quyết định số 810/QĐ-NHNN ngày 11/5/2021 phê duyệt “kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Quyết định số 2655/QĐ-NHNN ngày 26/12/2019 của Thống đốc NHNN phê duyệt Chiến lược phát triển CNTT ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, chiến lược phát triển CNTT của VietCredit và các quy định liên quan; đánh giá những rủi ro, thách thức chính đối với hoạt động CNTT tại VietCredit (từ bên ngoài, từ bên trong công ty, từ khách hàng); kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót, khó khăn, nguyên nhân.

4. Tình hình tài chính

4.1. Vốn

- Vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ, giá trị thực của vốn điều lệ, vốn tự có.
- Cơ cấu cổ đông, sở hữu cổ phần/chủ sở hữu/thành viên góp vốn.

Lưu ý: Thông tin về cổ đông lớn, thành viên góp vốn, nhóm cổ đông, cổ đông/thành viên góp vốn là cá nhân, tổ chức, các tổ chức tín dụng (TCTD) khác, doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước), cổ đông nước ngoài... và tình hình cấp tín dụng, đầu tư giữa VietCredit với cổ đông/thành viên góp vốn và người có liên quan; vi phạm sở hữu cổ phần/vốn góp; thông tin mức độ tập trung sở hữu của cổ đông; danh sách, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông lớn và người có liên quan, cổ đông là người quản trị, điều hành; danh sách cổ đông, tỷ lệ sở hữu cổ phần của 50 cổ đông lớn nhất, 100 cổ đông lớn nhất; việc đáp ứng mức vốn pháp định, giá trị thực vốn điều lệ, vốn tự có;...

- Việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán (đã niêm yết hoặc chưa niêm yết).

4.2. Huy động vốn

- Vốn huy động từ các tổ chức kinh tế⁶; trong đó chi tiết theo hình thức huy động vốn (nhận tiền gửi; phát hành giấy tờ có giá; vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; huy động khác (nếu có)), theo loại tiền, kỳ hạn.

- Vốn huy động từ các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- Tiền gửi, vay từ Chính phủ và NHNN⁷.

- ...

4 Như: (i) về hạ tầng công nghệ và các ứng dụng dịch vụ; (ii) về ban hành và thực thi chính sách, kế hoạch; (iii) về nhân lực CNTT và an toàn thông tin.

5 Đánh giá việc tuân thủ các quy định của NHNN về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng.

6 Không bao gồm vốn huy động từ TCTD khác

7 Chi tiết các khoản VietCredit vay NHNN (trong đó nêu cụ thể các khoản đã quá hạn, nguyên nhân chưa trả...)

- Mức độ tập trung huy động vốn đối với một số khách hàng lớn, số dư tiền gửi của 50 khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất, tỷ lệ tiền gửi của 50 khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất so với tổng tiền gửi⁸; Thuyết minh chi tiết về số dư tiền gửi, kỳ hạn, thời hạn gửi, lãi suất huy động, của 50 khách hàng⁹ có số dư tiền gửi lớn nhất tại VietCredit.

4.3. Chất lượng tài sản¹⁰

4.3.1. Tình hình cấp tín dụng

- Dư nợ tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân¹¹:

+ Chi tiết theo hình thức cấp tín dụng, loại tiền, kỳ hạn, đối tượng, loại hình doanh nghiệp (tách riêng khách hàng là các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước), theo ngành kinh tế, theo lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro như: Bất động sản, chứng khoán, BOT, BT, BTO...; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, cho vay tiêu dùng (trong đó CTTC tiêu dùng báo cáo cụ thể số dư, tỷ lệ giải ngân cho vay trực tiếp khách hàng thời điểm cuối từng năm kể từ năm 2021 và đến thời điểm cuối tháng/Quý gần nhất của thời điểm xây dựng Phương án cơ cấu lại); Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp¹²; Tình hình cấp tín dụng đối với các công ty chứng khoán.

+ Tình hình cấp tín dụng đối với các lĩnh vực chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

+ Tình hình cấp tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên, các chương trình cho vay theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

- Cấp tín dụng đối với các đối tượng không được cấp tín dụng và hạn chế cấp tín dụng; cấp tín dụng vượt giới hạn.

- Đánh giá mức độ tập trung tín dụng, có biểu thuyết minh chi tiết về định danh¹³, dư nợ, nhóm nợ, dự phòng rủi ro, tài sản bảo đảm, khả năng, giải pháp thu hồi nợ... đối với khách hàng có dư nợ tín dụng lớn phân loại nợ nhóm 2, nợ xấu, khách hàng có dư nợ tín dụng lớn từ 1% vốn tự có, 100 khách hàng pháp nhân có dư nợ tín dụng lớn nhất, 100 khách hàng cá nhân có dư nợ tín dụng lớn nhất và biểu cấp tín dụng đối với khách hàng và người liên quan - không bao gồm cấp tín dụng đối với TCTD khác.

- Cho vay TCTD khác.

- Đầu tư trái phiếu do TCTD khác phát hành.

4.3.2. *Chất lượng tài sản*: Đánh giá toàn diện chất lượng tài sản, trong đó lưu ý:

a. Tổng nợ, cam kết ngoại bảng phải thực hiện phân loại nợ theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 (Thông tư 11).

(i) Tổng nợ, nợ nhóm 1, nợ nhóm 2, tỷ lệ nợ nhóm 2 so với tổng nợ, nợ xấu nội bảng, tỷ lệ nợ xấu theo quy định tại Thông tư 11.

⁸ Không bao gồm tiền gửi của các TCTD khác

⁹ không nêu cụ thể tên khách hàng

¹⁰ Đối với những giải pháp, lộ trình khắc phục chi tiết đối với khách hàng nêu tại mục này, TCTD không báo cáo chi tiết lại tại Mục VII nhằm tránh trùng lặp.

¹¹ Được xác định theo quy định tại Mục 5 Phần 2 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 35 và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); không bao gồm dư nợ tín dụng đối với TCTD khác

¹² Không bao gồm trái phiếu TCTD khác phát hành.

¹³ (mã định danh/ số CMTND, CCCD/Mã số thuế)

Trong đó lưu ý:

- Có bảng biểu về từng khoản mục quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư 11 theo từng nhóm nợ, tỷ trọng từng nhóm nợ so với tổng nợ.

Đối với hoạt động mua, bán nợ, thuyết minh chi tiết từng đối tượng mua, bán nợ đối với các khoản nợ đã bán cho các tổ chức, cá nhân khác (trừ khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro) nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ, các khoản nợ đã mua. Trường hợp VietCredit mua khoản nợ thuộc các nhóm nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 thì thuyết minh nguyên nhân mua và ảnh hưởng của việc mua các khoản nợ này.

- Có bảng biểu theo ngành, lĩnh vực, đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp.

- Có bảng biểu về Tài sản bảo đảm, trong đó chi tiết theo loại tài sản bảo đảm (bất động sản, giấy tờ có giá,...).

(ii) Cam kết ngoại bảng phải thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 11, trong đó chi tiết từng nhóm 1 đến nhóm 5; tỷ lệ cấp tín dụng xấu theo quy định tại Thông tư số 11.

(iii) Nợ phải chuyển nợ xấu theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhưng chưa chuyển.

b. Nợ cơ cấu, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ

- Nợ cơ cấu và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Quyết định 780/QĐ-NHNN ngày 23/4/2012 (Quyết định 780/QĐ-NHNN) và Thông tư 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 (Thông tư 09/2014/TT-NHNN).

- Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có). Trong đó: số dư nợ của khách hàng không bị chuyển sang nhóm nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ; số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi không bị chuyển sang nhóm nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ.

- Nợ cơ cấu, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ khác (không bao gồm các khoản nợ cơ cấu nêu trên).

c. Nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) (nếu có), khả năng thu hồi, biện pháp thu hồi.

Lưu ý: Có bảng biểu minh họa (Tổng số từng loại và chi tiết từng khách hàng phân nhóm nợ xấu, khách hàng không bị chuyển sang nhóm nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ, khách hàng có nợ xấu bán VAMC chưa xử lý, thu hồi có số dư từ 1 tỷ đồng trở lên và báo cáo kế hoạch, giải pháp xử lý thu hồi, khả năng thu hồi đối với từng khách hàng/từng khoản nợ) đối với các khoản mục a đến c nêu trên.

d. Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn thành nợ xấu¹⁴.

e. Các khoản khác phải thu khó đòi¹⁵.

f. Lãi dự thu phải thoái nhưng chưa thoái¹⁶.

¹⁴ theo hướng dẫn tại Biểu 027N-TTGS, Công văn 7451/NHNN-DBTK ngày 20/10/2021 về việc báo cáo Thông tư 11/2021/TT-NHNN, các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có và các văn bản khác.

¹⁵ theo hướng dẫn tại Biểu 027N-TTGS, Công văn 7451/NHNN-DBTK ngày 20/10/2021 về việc báo cáo Thông tư 11/2021/TT-NHNN, các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có và các văn bản khác.

Lưu ý: Đánh giá chi tiết các khoản mục d đến f nêu trên, có bảng biểu minh họa: số tổng số từng loại và chi tiết từng khách hàng/hoặc từng khoản và khả năng thu hồi, giải pháp xử lý thu hồi đối với từng khách hàng/hoặc từng khoản.

g. Dự phòng rủi ro (dự phòng chung, dự phòng cụ thể).

Trong đó lưu ý:

- Chi tiết các khoản dự phòng cụ thể phải trích nhưng chưa trích theo quy định (nếu có) và định hướng xử lý.

- Việc trích lập dự phòng cụ thể đối với nợ cơ cấu, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ (Dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với nợ cơ cấu và giữ nguyên nhóm nợ theo Quyết định 780/QĐ-NHNN, Thông tư 09/2014/TT-NHNN; Dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung), đối với nợ cơ cấu khác

h. Tình hình xử lý nợ xấu¹⁷.

i. Nợ đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý và tình hình xử lý thu hồi.

k. Hoạt động đầu tư, góp vốn

- Chứng khoán kinh doanh
- Chứng khoán đầu tư
- Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành
- Góp vốn, đầu tư dài hạn

Lưu ý: đánh giá cụ thể, chi tiết số tiền góp vốn, đầu tư kém hiệu quả; vi phạm về góp vốn, mua cổ phần....; nguyên nhân, biện pháp xử lý khắc phục.

k. Các hoạt động khác: Đánh giá về hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối, giao dịch hối đoái, bảo lãnh....; Báo cáo cụ thể các rủi ro, sai phạm từng hoạt động (nếu có), nguyên nhân, biện pháp xử lý khắc phục.

m. Tài sản Có khác:

- Các khoản phải thu; lãi, phí phải thu (nêu cụ thể các khoản lãi, phí phải thu từ các khoản nợ được cơ cấu, lãi phải thu phải thoái đối với các khoản nợ mà xét về bản chất không thuộc nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định, lãi phải thu phải thoái theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán..., biện pháp xử lý); tài sản có khác; dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác.

- Các tài sản có khác đã quá hạn và/hoặc có thời gian thu hồi dài (trên 3 năm), trong đó nêu cụ thể các khoản mục số dư trên 1 tỷ đồng; nguyên nhân không thu hồi được.

4.4. Hoạt động thanh toán, đại lý, ủy thác...

4.5. Kết quả kinh doanh

Trong đó lưu ý: Các hoạt động kinh doanh lỗ, các khoản mục có thể làm giảm lợi nhuận của VietCredit nhằm phản ánh đầy đủ lợi nhuận của CTTC¹⁸ (nếu có).

¹⁶ theo hướng dẫn tại Biểu 027N-TTGS, Công văn 7451/NHNN-DBTK ngày 20/10/2021 về việc báo cáo Thông tư 11/2021/TT-NHNN, các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có và các văn bản khác.

¹⁷ Bao gồm cả việc đánh giá tình hình xử lý nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42/2017/QH14. Số liệu xử lý nợ xấu lũy kế từ 01/01/2021 đến Quý gần nhất của thời điểm xây dựng Phương án cơ cấu lại.

¹⁸ Các khoản mục TCTD chưa xử lý, thực hiện ngay như: lãi dự thu phải thoái nhưng chưa thoái, dự phòng rủi ro phải trích nhưng chưa trích do chưa hết thời hạn phải thực hiện theo kiến nghị tại Kết luận thanh tra, kiểm tra, kết quả kiểm toán và các khoản khác (nếu có).

4.6. Tình hình thanh khoản và việc chấp hành các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn

Đánh giá các rủi ro tiềm ẩn về thanh khoản và tình hình chấp hành các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư 23/2020/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi bổ sung – trường hợp VietCredit không đáp ứng quy định cần báo cáo nguyên nhân và các biện pháp, kế hoạch, lộ trình nhằm khắc phục.

4.7. Tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của các công ty con trong nước, công ty liên kết (chi tiết đối với từng công ty con, công ty liên kết) (nếu có).

4.8. Tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của các công ty con, chi nhánh hoạt động ở nước ngoài (chi tiết đối với từng công ty con, từng chi nhánh) (nếu có).

4.9. Tình hình hoạt động của các chi nhánh trong nước (lưu ý đánh giá chi tiết đối với từng chi nhánh có kết quả kinh doanh kém hiệu quả (bị lỗ) hoặc nợ xấu nội bảng chiếm từ 3% so tổng nợ của chi nhánh).

4.10. Các vấn đề cần quan tâm, lưu ý khác (nếu có).

IV. Những tồn tại, vi phạm, rủi ro trong hoạt động

Quá trình xây dựng Phương án cơ cấu lại, VietCredit có trách nhiệm chủ động nhận diện, đánh giá cụ thể các tồn tại, vi phạm, rủi ro, hạn chế trong hoạt động¹⁹ để xây dựng mục tiêu, định hướng, giải pháp khắc phục; trong đó cần lưu ý một số nội dung sau:

1. Tỷ lệ nợ xấu, nợ nhóm 2 còn cao, đề nghị VietCredit có các biện pháp kiểm soát tỷ lệ nợ xấu và xử lý nợ xấu, phần đầu đưa tỷ lệ nợ xấu về mức theo định hướng của NHNN hàng năm; giám sát chặt chẽ nợ nhóm 2, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh; tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng.

2. Xây dựng kế hoạch và kiểm soát tăng trưởng tín dụng theo chỉ tiêu được NHNN thông báo hàng năm.

3. Tiếp tục thực hiện biện pháp giám sát, kế hoạch khai thác sử dụng và/hoặc xử lý các tài sản gắn xiết nợ, thu hồi công nợ liên quan đến các tài CFC01, CFC02, CFC03, CFC04, CFC05.

4. Đối với các khoản góp vốn đầu tư dài hạn không hiệu quả: tiếp tục thực hiện các biện pháp xử lý hiệu quả toàn bộ danh mục đầu tư tài chính đảm bảo thu hồi vốn, tuân thủ quy định của pháp luật.

5. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 (đã sửa đổi, bổ sung).

6. Rà soát quy trình, hoạt động hợp tác, ủy quyền về thu hồi nợ, quản lý hoạt động bán nợ, chấn chỉnh hoạt động thu hồi nợ đảm bảo tuân thủ đúng quy

¹⁹ Lưu ý, các sai phạm, tồn tại, yếu kém nêu tại Kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, văn bản cảnh báo và các văn bản có liên quan khác chưa xử lý, khắc phục được (Những kiến nghị, khuyến nghị đã xử lý, khắc phục; Những kiến nghị, khuyến nghị chưa xử lý, khắc phục được (nêu cụ thể từng kết luận, kiến nghị, khuyến nghị chưa xử lý, khắc phục); Nguyên nhân chưa xử lý, khắc phục được các kiến nghị, khuyến nghị nêu tại Kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, văn bản cảnh báo và các văn bản có liên quan khác lộ trình khắc phục).

định của pháp luật. Triển khai, thực hiện chỉ đạo của NHNN tại Văn bản số 8747/NHNN-TTGSNH ngày 12/12/2022 về hoạt động cho vay, thu hồi nợ; Văn bản số 8774/NHNN-TTGSNH ngày 13/12/2022 về một số vấn đề trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

7. Nâng cao hiệu quả các hoạt động kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng bền vững; cải thiện kết quả xếp hạng tổ chức tín dụng. Kết quả xếp hạng năm 2021 của VietCredit (loại C) chủ yếu là do kết quả xếp hạng ở nhóm chỉ tiêu định lượng (gồm có: chỉ tiêu Chất lượng tài sản-A, chỉ tiêu Kết quả hoạt động kinh doanh-E) và nhóm chỉ tiêu định tính (chỉ tiêu Quản trị, điều hành-M) còn thấp.

8. Đối với hệ thống công nghệ thông tin (CNTT)

Việc tuân thủ các quy định trong quản trị, vận hành các hệ thống thông tin, bảo đảm an toàn thông tin cần quan tâm, lưu ý một số nội dung khi xây dựng phương án cơ cấu lại như sau:

- Có kế hoạch xây dựng, hoàn thiện hạ tầng công nghệ; tăng cường kết nối, hợp tác với các ngành, lĩnh vực khác để cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng trên nền tảng số; nâng cao chất lượng phục vụ và tăng tính tiện ích, trải nghiệm cho khách hàng.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống thông tin ngành Ngân hàng, bảo mật dữ liệu khách hàng và nâng cao an toàn, bảo mật trong hoạt động cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử. rà soát, ban hành và triển khai đầy đủ các văn bản chính sách tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng. Bố trí nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin tối thiểu 10% nguồn vốn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực CNTT và an toàn thông tin, hình thành đội ngũ cán bộ CNTT có năng lực, trình độ chuyên môn, làm chủ công nghệ, đảm bảo nguồn lực cho hoạt động ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của ngân hàng.

9. Rà soát toàn bộ hoạt động thực tế hiện nay của Công ty so với nội dung hoạt động được NHNN cấp phép. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với mô hình hoạt động nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động.

V. Đánh giá tổng quan về điểm mạnh, điểm yếu, khó khăn, thách thức, xu hướng ảnh hưởng đến hoạt động của VietCredit.

VI. Quan điểm, mục tiêu cơ cấu lại đến năm 2025

Quan điểm, mục tiêu xây dựng tại Phương án cơ cấu lại của VietCredit phải đảm bảo phù hợp với Quyết định số 689/QĐ-TTg, Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng, văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, phù hợp với đặc điểm, quy mô, phạm vi, chiến lược hoạt động của VietCredit và các xu hướng, thách thức. Trong đó, xác định mục tiêu, định hướng đến năm 2025, bao gồm các chỉ tiêu, lộ trình thực hiện, lưu ý gắn với các tồn tại, vi phạm, rủi ro tiềm ẩn nêu tại Mục IV nêu trên.

VII. Giải pháp cơ cấu lại, lộ trình thực hiện

Căn cứ vào quan điểm, mục tiêu, giải pháp cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu nêu tại Quyết định số 689/QĐ-TTg, Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng, văn bản chỉ đạo cấp có thẩm quyền, mục tiêu, định hướng, kế hoạch, thực trạng hoạt động của VietCredit, xu hướng, thách thức, VietCredit xây dựng giải pháp, lộ trình thực hiện đến năm 2025 nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra, khắc phục được các tồn tại, vi phạm, rủi ro trong hoạt động, đặc biệt lưu ý xây dựng các giải pháp, lộ trình cụ thể xử lý nợ xấu, tài sản tồn đọng của VietCredit, lộ trình khắc phục những tồn tại, vi phạm, rủi ro được nhận diện qua đánh giá thực trạng (như tập trung tín dụng, tập trung sở hữu của cổ đông, lãi dự thu, nợ xấu...) và nêu tại phần III, phần IV đề cương này nhằm xử lý tối đa nợ xấu, tồn tại, vi phạm và hạn chế nợ xấu phát sinh; tiếp tục lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động, nâng cao năng lực quản trị của VietCredit theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế, kịp thời ứng phó, thích nghi với các khó khăn, thách thức, xu hướng trong thời gian tới... Trong đó, trong quá trình triển khai thực hiện, lưu ý một số giải pháp trọng tâm nêu tại Quyết định 689/QĐ-TTg và Kế hoạch hành động ngành ngân hàng như sau:

1. Một số giải pháp chung

1.1. Về nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của TCTD: (i) Nâng cao năng lực tài chính, chất lượng tín dụng, hiệu quả hoạt động, quản trị kinh doanh, tính minh bạch trong hoạt động; (ii) Hiện đại hóa ngân hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh; (iii) Phát triển mô hình ngân hàng số, triển khai có hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng; phát triển thanh toán không dùng tiền mặt; (iv) Phát triển mạng lưới; (v) Nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn vốn tín dụng; (vi) Giải pháp và kế hoạch triển khai nâng cao hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin.

(Chi tiết theo Mục 3 Phần II Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 và theo Quyết định số 689/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)

1.2. Giải pháp xử lý nợ xấu, trong đó tập trung một số giải pháp về xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng nêu tại Phần III Quyết định số 689/QĐ-TTg và Mục 1, Mục 4, Phần II Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng; đồng thời, triển khai đầy đủ, kịp thời các chỉ đạo của Chính phủ, NHNN về xử lý nợ xấu để VietCredit thực hiện có hiệu quả nhằm xử lý tối đa nợ xấu, nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của Công ty.

2. Một số giải pháp cơ cấu lại VietCredit

VietCredit chủ động xây dựng Phương án cơ cấu lại nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động và tổ chức triển khai thực hiện theo các giải pháp phù hợp nêu tại Mục 2 và Mục 3 Phần III Quyết định số 689/QĐ-TTg và Điểm 5.4 Mục 5 Phần II Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng.

VIII. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)



MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Đơn vị: Tỷ đồng, %

TT	Chỉ tiêu	Số liệu 31/12/2020	Số liệu .../.../...	Số liệu .../.../...	Tăng, giảm so với 31/12/2020		Tăng, giảm so với .../.../...	
					Số tiền	%	Số tiền	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Chỉ tiêu về quy mô							
1	Tổng tài sản							
2	Vốn chủ sở hữu							
	<i>Trong đó:</i>							
2.1	Vốn điều lệ							
2.2	Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế							
3	Huy động vốn tổ chức kinh tế							
	<i>Trong đó:</i>							
3.1	Tiền gửi của khách hàng							
3.2	Phát hành giấy tờ có giá							
4	Nhận tiền gửi và vay TCTD khác							
4.1	Tiền gửi của TCTD khác							
4.2	Vay các TCTD khác							
5	Tiền gửi và cho vay TCTD khác							
5.1	Tiền gửi tại các TCTD khác							
5.2	Cho vay TCTD khác							
6	Cho vay khách hàng							
7	Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp							
II	Một số chỉ tiêu về chất lượng tài sản							
1	Tổng nợ							
2	Nợ nhóm 2							
	Tỷ lệ nợ nhóm 2 so tổng nợ							
3	Nợ xấu nội bảng							
	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng so tổng nợ							
4	Nợ xấu bán cho VAMC chưa xử lý							
5	Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ							
5.1	Dư nợ của khách hàng không bị chuyển sang nhóm nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo Quyết định 780 và Thông tư 09							
a	<i>Trong đó:</i> Số dư nợ không phải chuyển nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ							
5.2	Dư nợ của khách hàng không bị chuyển sang nhóm nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN (đã sửa đổi, bổ sung)							
b	<i>Trong đó:</i> Số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi không bị chuyển sang nhóm nợ xấu							
5.3	Dư nợ của khách hàng không bị chuyển sang nhóm nợ xấu do được cơ cấu, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ khác							
c	<i>Trong đó:</i> Số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi không bị chuyển sang nhóm nợ xấu							

TT	Chỉ tiêu	Số liệu 31/12/2020	Số liệu .../.../...	Số liệu .../.../...	Tăng, giảm so với 31/12/2020		Tăng, giảm so với .../.../...	
					Số tiền	%	Số tiền	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Cộng 1 (5.1 + 5.2 + 5.3 và loại trừ các khoản nợ đồng thời được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nợ tại các mục này (nếu có))							
	Cộng 2 (a + b + c và loại trừ các khoản nợ đồng thời được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nợ tại các mục này (nếu có))							
6	Đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn thành nợ xấu							
7	Các khoản khác phải thu khó đòi							
8	Nợ phải chuyển nợ xấu theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhưng chưa chuyển nợ xấu							
9	Lãi dự thu							
	Lãi dự thu 6 tháng kể từ thời điểm hạch toán lãi dự thu							
	Lãi dự thu trên 6 tháng đến 1 năm kể từ thời điểm hạch toán lãi dự thu							
	Lãi dự thu trên 1 năm kể từ thời điểm hạch toán lãi dự thu							
10	Lãi dự thu phải thoái							
11	Dự phòng rủi ro tín dụng còn lại							
	Dự phòng rủi ro cấp tín dụng							
	Dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành							
III	Nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42/2017/QH14							
	Tổng nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42/2017/QH14							
	<i>Trong đó:</i>							
1	Nợ xấu hạch toán nội bảng xác định theo Nghị quyết 42/2017/QH14							
2	Nợ xấu hạch toán ngoại bảng xác định theo Nghị quyết 42/2017/QH14							
3	Nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42/2017/QH14 đã bán cho VAMC được thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt							
IV	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN, Thông tư 22/2019/TT-NHNN, Thông tư 23/2020/TT-NHNN và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có)							
V	Hiệu quả hoạt động							
1	Lợi nhuận trước thuế							
2	Lợi nhuận sau thuế							
3	ROE							
4	ROA							
5	Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng/ Tổng thu nhập (áp dụng đối với NHTM)							

Ghi chú:

- Dữ liệu báo cáo: bắt đầu từ cột A dòng thứ 8 (trùng ứng Mục I. Chỉ tiêu quy mô).
- Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán/hoặc báo cáo tài chính Quý, năm gần nhất và Báo cáo thống kê
- Chỉ tiêu tổng nợ, nợ nhóm 2, nợ xấu xác định theo quy định tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN về phân loại tài sản, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động tín dụng của TCTD, CN NHNNg.
- Cột 3: số liệu thời điểm 31/12/2020
- Cột 4: số liệu đến cuối năm trước liền kề năm xây dựng Phương án
- Cột 5: số liệu thời điểm gần nhất của thời điểm xây dựng Phương án cơ cấu lại (là số liệu Quý I/Quý II/Quý III/Năm (gần nhất thời điểm xây dựng Phương án cơ cấu lại)).
- Cột 8,9: số liệu Cột 5 so sánh với số liệu Cột 4
- Đối với các NHTM, báo cáo "Tỷ lệ thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng/ Tổng thu nhập" theo hướng dẫn tại Công văn số 1849/NHNN-VCL ngày 19/3/2020 của NHNN v/v hướng dẫn cách tính chỉ tiêu "tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập" hoặc văn bản thay thế nếu có.

Lưu ý: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (đơn vị giám sát vi mô đối với TCTD) chủ động tham mưu lược bỏ/hoặc bổ sung thêm các chỉ tiêu nếu cần để hướng dẫn từng TCTD phù hợp với đặc thù từng khối/nhóm/TCTD.

HLN